

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ các Điều 48, Điều 212, Điều 213, Điều 361 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 0931/2019/TLST-VHNGĐ ngày 18/12/2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:

1. Ông Nguyễn Đăng K, sinh năm 1973;

Địa chỉ: 50A/39 đường A, Phường B, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Huỳnh Thị Thu H, sinh năm 1988.

Địa chỉ: I08 tổ 1 ấp C, xã D, huyện E, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Đăng K và bà Huỳnh Thị Thu H là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 31, quyển số 01/2013 ngày 22/3/2013 tại Ủy ban nhân dân Phường 9, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Theo đơn thuận tình ly hôn ngày 29/11/2019 và bản tự khai ngày 06/01/2020, ông K và bà H yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn; bà H là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Huỳnh Mai A, sinh ngày 18/02/2014; ông K cấp dưỡng nuôi con 5.000.000đ/tháng (năm triệu đồng một tháng) cho đến khi con đủ 18 tuổi; ông K và bà H tự khai không có về tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy, ông K và bà H thật sự tự nguyện ly hôn, ông K và bà H không có tài sản chung và nợ chung; việc trông nom, nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục và cấp dưỡng nuôi con trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Đăng K và bà Huỳnh Thị Thu H.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Huỳnh Mai A, sinh ngày 18/02/2014.

Sau khi ly hôn, ông Nguyễn Đăng K và bà Huỳnh Thị Thu H thỏa thuận giao trẻ Nguyễn Huỳnh Mai A cho bà Huỳnh Thị Thu H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trẻ Nguyễn Huỳnh Mai A đủ 18 tuổi.

Ông Nguyễn Đăng K có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con 5.000.000đ/tháng (năm triệu đồng một tháng) cho đến khi trẻ Nguyễn Huỳnh Mai A đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Huỳnh Thị Thu H cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Đăng K còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Vì lợi ích của con, việc trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) ông Nguyễn Đăng K và bà Huỳnh Thị Thu H phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2017/0042474 ngày 13/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Nguyễn Đăng K và bà Huỳnh Thị Thu H đã nộp đủ lệ phí.

Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND quận Phú Nhuận;
- Chi cục THADS quận Phú Nhuận;
- UBND Phường 9, quận Phú Nhuận;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Văn Thị Ngọc Mỹ

